

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **06/2019/HS-ST**

Ngày: 05/3/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:

ông: Trần Văn Lượng

Các Hội thẩm nhân dân:

ông: Nguyễn Hùng Cường.

ông: Đoàn Mạnh Quang

- Thư ký phiên tòa:

ông: Nông Văn Thắng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: ông Bùi Quang Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2019/HSST ngày 11 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2019; Đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Quốc B; sinh ngày 16/02/2000, tại Bình Phước; tên gọi khác: Không; giới tính Nam; HKTT: Ấp 6, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 05/12; nghề nghiệp: Làm nông; họ và tên cha: Trần Văn M, sinh năm: 1973; họ và tên mẹ: Nguyễn Thị X, sinh năm: 1974; bị cáo có 02 người em (lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/8/2018 đến ngày 25/11/2018 được tại ngoại cho đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: Trần Thanh D, sinh năm: 1997, tại Bình Phước; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; HKTT: Ấp 6, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: Làm nông; họ và tên cha: Trần Thanh K, sinh năm: 1976; họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm: 1979; bị cáo có vợ tên: Lê Thị Bích D, sinh năm: 1998 và một người con sinh năm 2015; bị cáo có hai người em (lớn nhất sinh năm: 2000, nhỏ nhất sinh năm 2013); bị cáo có một tiền án: Ngày 14/12/2016 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 12(mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24(hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án(ngày 14/12/2016) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2016/HS-ST ngày 14/12/2016; bị cáo có một tiền sự: Ngày 23/11/2017 bị Công an huyện B xử phạt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/10/2018 (có mặt).

- Bị hại:

+ La Văn I, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Ấp TT, xã TT, huyện B, tỉnh Bình Phước.(có mặt)

+ Nguyễn Tấn P, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Ấp 7, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

+ Nguyễn Văn S, sinh năm: 1971(có mặt)

+ Nguyễn Văn T, sinh năm: 1973(có mặt)

+ Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1968(có mặt)

+ Phạm Văn H, sinh năm: 1987(vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 21/08/2018, Trần Quốc B đi bộ từ nhà của mình đến nhà ông Nguyễn Thanh T ngụ ấp 6, xã A thì phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển kiểm soát: 93H1-5811 để ngoài hiên nhà. Bảo lén lút đến dắt chiếc xe trên về nhà mình cất giấu, tháo toàn bộ dàn áo, biển số, một số phụ tùng ra khỏi xe. Đến khoảng 21 giờ ngày 24/8/2018 ông T phát hiện thấy xe mô tô 93H1-5811 của mình đang để ở nhà của Bảo nên đã trình báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 40/2018/BKL-ĐGTS ngày 27/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định xe mô tô 93H1-5811 tại thời điểm ngày 21/8/2018 có giá trị là 3.500.000đ.

Tại Cơ quan điều tra Trần Quốc B tự khai nhận, ngoài hành vi trộm cắp xe của ông Nguyễn Thanh T, từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2018, Bảo đã 05 lần thực hiện hành trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện B cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Trong khoảng tháng 3 năm 2018 (không nhớ ngày), Trần Thanh D điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát: 93G1-147.18 rủ Trần Quốc B đi chơi. Khi đi ngang qua nhà ông La Văn I, trú tại ấp TT, xã TT, huyện B, tỉnh Bình Phước, D và B phát hiện ở khu vực chuồng dê bên hông nhà ông I có dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu BEST FAIRY, biển kiểm soát 93P1-523.61 nên cùng rủ nhau vào lấy trộm. D dừng xe ở ngoài đường để cảnh giới, B đi vào dắt xe mô tô ra ngoài, nổ máy xe cùng D chạy đến nhà Nguyễn Tạ H trú tại Thôn 2, xã TH nhờ H bán xe. H đổi cho B và D 01 gói ma túy để sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 45/2018/BKL-ĐGTS ngày 10/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định xe mô tô 93P1-523.61 tại thời điểm tháng 3 năm 2018 có giá trị là 2.250.000đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 20 giờ một ngày trong tháng 3 năm 2018 (không nhớ ngày), Trần Quốc B mang theo mỏ lết, đi bộ đến căn nhà trong rẫy của anh Nguyễn Văn Tr thuộc ấp 7, xã A, huyện B thì phát hiện nhà không có người ở, B lấy mỏ lết bẻ ổ khóa cửa, lén lút vào trong nhà lấy trộm một xe mô tô nhãn hiệu DIOAM II (kiểu Dream) màu nâu, biển kiểm soát 53X9-2759 của Nguyễn Tấn P, Bảo điều khiển xe đến ấp 6, xã A, huyện B rồi gọi điện thoại cho Trần Thanh D nhờ mang xe đi tiêu thụ. D và B điều khiển xe đến nhờ Nguyễn Tạ H đem đi tiêu thụ nhưng không gặp H, Bảo và D để xe ở nhà Hải rồi đi về. Sau đó H mang xe bán cho người khác thì D và B không biết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 49/2018/BKL-ĐGTS ngày 28/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định xe mô tô 53X9-2759 tại thời điểm tháng 3 năm 2018 có giá trị là 2.250.000đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 23 giờ ngày 20/3/2018, lợi dụng lúc nhà anh Phạm Văn H trú tại ấp 6, xã Thanh Hòa không có người trông coi, Trần Quốc B lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu HDMOTOR (kiểu dáng Wave) màu đen, biển kiểm soát 61Z3-5422, trong lúc Bảo quay đầu xe ra đường, bật khóa khởi động xe thì bị anh Hùng phát hiện, mở cửa đi ra thì B điều khiển xe bỏ chạy ra đường, anh Hùng chạy bộ đuổi theo nhưng không kịp. B điện thoại cho Nguyễn Văn Khương trú tại ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình nhờ tiêu thụ, Khương đồng ý và hẹn B đến Công viên thủy điện cần đơn để giao xe. Tại đây, Khương mua xe của B vừa trộm được bằng hình thức đưa 03 gói ma túy trị giá 600.000đồng (sáu trăm nghìn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 46/2018/BKL-ĐGTS ngày 10/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định xe mô tô, biển kiểm soát 61Z3-5422 tại thời điểm ngày 20 tháng 3 năm 2018 có giá trị là 2.400.000đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 22 giờ một ngày trong tháng 6 năm 2018, lợi dụng lúc nhà ông Nguyễn Văn S trú tại ấp 6, xã A, huyện B đang ngủ, xe mô tô hiệu AWRD (kiểu dáng Wave) màu đỏ, biển kiểm soát: 93H6-0697 của ông S dựng ở gần khu vực chuồng dê, không có người trông coi, Bảo đi đến khu vực chuồng dê lấy trộm xe rồi điện thoại cho Nguyễn Văn Kh hen đến Công viên thủy điện Cần đơn để bán xe. Tại đây Kh đồng ý mua xe bằng hình thức đưa cho B 01 gói ma túy trị giá 300.000đồng để cho B sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 47/2018/BKL-ĐGTS ngày 10/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định xe mô tô, biển kiểm soát: 93H6-0697 tại thời điểm tháng 6 năm 2018 có giá trị là 3.000.000đồng.

Vụ thứ năm: Trong tháng 7 năm 2018 (không nhớ ngày), Trần Quốc B, Trần Thanh D và Võ Thanh Trung rủ nhau đến nhà Hoàng Đại Hiệp chơi game. Bảo điều khiển xe mô tô hiệu Wave màu đỏ (không rõ biển kiểm soát), Duy điều khiển xe mô tô (không rõ biển kiểm soát) chở Trung. Khi đến khu vực cánh đồng ruộng thuộc ấp 7, xã Thanh Hòa thì phát hiện xe mô tô hiệu DIOAMI (kiểu dáng Dream), biển kiểm soát 93F1-0150 của anh Nguyễn Văn T để trên đường đê dưới khu vực ruộng. Lúc này, Trung nói với Duy dừng lại để Trung xuống lấy trộm xe. Duy đồng ý và chở Trung xuống gần khu vực ruộng và dừng xe đứng cạnh giới cho Trung xuống lấy trộm xe, Bảo điều khiển xe chạy chậm đê quan sát và cảnh giới cho Trung và Duy. Trung đi bộ đến chỗ để xe, quay đầu xe và dắt xe đến chỗ của Duy, sau đó dùng tay gỡ dây điện, nổ máy xe và điều khiển đi theo Duy và Bảo đến nhà Hiệp chơi game bắn cá, Trung, Bảo, Duy được Trí mở máy bắn cá chơi, thì cả ba thua hết 800.000đ nên đã cầm xe mô tô lấy trộm được cho Trí (không rõ nhân thân lai lịch) để trừ nợ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 50/2018/BKL-ĐGTS ngày 28/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định xe mô tô, biển kiểm soát 93F1-0150 tại thời điểm tháng 7 năm 2018 có giá trị là 2.250.000đồng.

Cáo trạng số: 05/CTr – VKS ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo Trần Quốc B, Trần Thanh D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như trong nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội

đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Trần Quốc B từ 18 tháng đến 24 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 17; Điều 38, Điều 56; Điều 65 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Trần Thanh D từ 12 tháng đến 18 tháng tù và chuyển đổi án treo thành án tù giam của bản án trước đối với Duy.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố và kết luận.

Các bị cáo không tranh luận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại La Văn I yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 3.500.000đ, ông Nguyễn Văn T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 2.250.000đ. Các bị cáo đồng ý bồi thường.

Bị hại Nguyễn Tấn P yêu cầu bị cáo Trần Quốc B bồi thường số tiền 4.000.000đ. Bị hại Nguyễn Văn S yêu cầu bị cáo Trần Quốc B bồi thường số tiền 3.000.000đ. Bị cáo Bảo đồng ý bồi thường.

Đối với trách nhiệm hình sự các bị hại đều có yêu cầu xử lý các bị cáo theo pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo đúng quyền và lợi ích hợp pháp của các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác. Tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan và những người tiến hành tố tụng.

Về nội dung: Khoảng 23 giờ ngày 21/08/2018, Trần Quốc B đi bộ từ nhà của mình đến nhà ông Nguyễn Thanh T ngụ ấp 6, xã Thanh Hòa thì phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển kiểm soát: 93H1-5811 để ngoài hiên nhà. Bảo lén lút đến dắt chiếc xe trên về nhà mình cất giấu. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 40/2018/BKL-ĐGTS ngày 27/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định xe mô tô 93H1-5811 tại thời điểm ngày 21/8/2018 có giá trị là 3.500.000đ.

Tại Cơ quan điều tra Trần Quốc B tự khai nhận, ngoài hành vi trộm cắp xe của ông Nguyễn Thanh T, từ khoảng từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2018, Bảo đã 05 lần thực hiện hành trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện B cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Trong khoảng tháng 3 năm 2018 (không nhớ ngày), Trần Thanh D điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát: 93G1-147.18 rủ Trần Quốc B đi chơi. Khi đi ngang qua nhà ông La Văn I, trú tại ấp Tân Thuận, xã Tân Tiến, huyện B, tỉnh Bình

Phước, Duy và Bảo phát hiện ở khu vực chuồng dê bên hông nhà ông In có dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu BEST FAIRY, biển kiểm soát 93P1-523.61 nên cùng rủ nhau lên lút lấy trộm. Tại bản kết luận định giá tài sản số 45/2018/BKL-ĐGTS ngày 10/9/2018 của Hội đồng định tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định xe mô tô 93P1-523.61 tại thời điểm tháng 3 năm 2018 có giá trị là 2.250.000đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 20 giờ một ngày trong tháng 3 năm 2018 Trần Quốc B phát hiện căn nhà trong rẫy của anh Nguyễn Văn Trần thuộc ấp 7, xã A, huyện B không có người trông coi, Bảo lấy mỏ lết bẻ ổ khóa cửa, lên lút vào trong nhà lấy trộm một xe mô tô nhãn hiệu DIOAM II (kiểu Dream) màu nâu, biển kiểm soát 53X9-2759 của Nguyễn Tấn P. Tại bản kết luận định giá tài sản số 49/2018/BKL-ĐGTS ngày 28/9/2018 của Hội đồng định tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định xe mô tô 53X9-2759 tại thời điểm tháng 3 năm 2018 có giá trị là 2.250.000đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 23 giờ ngày 20/3/2018, lợi dụng lúc nhà anh Phạm Văn H trú tại ấp 6, xã Thanh Hòa không có người trông coi, Trần Quốc B lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu HDMOTOR (kiểu dáng Wave) màu đen, biển kiểm soát 61Z3-5422. Tại bản kết luận định giá tài sản số 46/2018/BKL-ĐGTS ngày 10/9/2018 của Hội đồng định tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định xe mô tô, biển kiểm soát 61Z3-5422 tại thời điểm ngày 20 tháng 3 năm 2018 có giá trị là 2.400.000đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 22 giờ một ngày trong tháng 6 năm 2018, lợi dụng lúc nhà ông Nguyễn Văn Sơn trú tại ấp 6, xã A, huyện B đang ngủ, xe mô tô hiệu AWRD (kiểu dáng Wave) màu đỏ, biển kiểm soát: 93H6-0697 của ông Sơn dựng ở gần khu vực chuồng dê, không có người trông coi, Bảo lên lút chiếm đoạt sau đó đem đổi 01 gói ma túy trị giá 300.000đồng để sử dụng. Tại bản kết luận định giá tài sản số 47/2018/BKL-ĐGTS ngày 10/9/2018 của Hội đồng định tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định xe mô tô, biển kiểm soát: 93H6-0697 tại thời điểm tháng 6 năm 2018 có giá trị là 3.000.000đồng.

Vụ thứ năm: Trong tháng 7 năm 2018, Trần Quốc B điều khiển xe mô tô hiệu Wave màu đỏ (không rõ biển kiểm soát), Trần Thanh D điều khiển xe mô tô (không rõ biển kiểm soát) chở Võ Thanh Trung. Khi đến khu vực cánh đồng ruộng thuộc ấp 7, xã Thanh Hòa thì phát hiện xe mô tô hiệu DIOAMI (kiểu dáng Dream), biển kiểm soát 93F1-0150 của anh Nguyễn Văn T để trên đường đê dưới khu vực ruộng. Duy chở Trung xuống gần khu vực ruộng và dừng xe dừng cảnh giới cho Trung xuống lấy trộm xe, sau đó cả ba chơi máy bắn cá chơi thua hết 800.000đ nên đã cầm xe mô tô lấy trộm được để trừ nợ. Tại bản kết luận định giá tài sản số 50/2018/BKL-ĐGTS ngày 28/9/2018 của Hội đồng định tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định xe mô tô, biển kiểm soát 93F1-0150 tại thời điểm tháng 7 năm 2018 có giá trị là 2.250.000đồng.

Trần Quốc B tham gia trộm 06 lần tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 15.650.000đ, Trần Thanh D tham gia trộm 02 lần với giá trị tài sản chiếm đoạt là 4.500.000đ. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố là đúng hành vi, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người đã thành niên, có sức khỏe, nhận thức rõ hành vi lợi dụng sự mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu để lên lút chiếm đoạt tài sản của họ là vi phạm pháp luật. Nhưng vì mục đích tư lợi, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, các bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Xét tính

chất, mức độ hành vi bị cáo gây nên cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với hành vi của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, tuy nhiên cũng cần phân tích vai trò của các bị cáo trong vụ án để cá thể hóa hình phạt cho tương xứng với mức độ, hành vi của các bị cáo. Trong vụ án này các bị cáo Trần Quốc B và Trần Thanh D có vai trò ngang nhau trong hai lần phạm tội cùng nhau, các bị cáo không có bàn bạc hay khởi xướng, lôi kéo nhau, khi phát hiện có tài sản không có người trông coi cả hai cùng chủ động tiếp nhận ý chí của nhau, cùng nhau thực hiện nhằm chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên đối với bị cáo Trần Quốc B có số lần phạm tội nhiều hơn nên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Trần Thanh D.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Quốc B đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác 06 lần, bị cáo Trần Thanh D thực hiện 02 lần chiếm đoạt tài sản của người khác, các lần chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên đều phải chịu tình tiết tăng nặng là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Bị cáo Trần Thanh D phạm tội khi đã phạm tội trước đó chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo Trần Quốc B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi bị phát hiện bị cáo đã khai ra các vụ án khác(từ vụ thứ 01 đến vụ thứ 05) có 03 vụ án các bị hại cũng không khai báo với cơ quan có thẩm quyền nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tự thú, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Trần Thanh D được hưởng tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đang phải nuôi con nhỏ đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét về nhân thân các bị cáo đều có nhân thân không tốt, bị cáo D ngoài tiền án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị cáo còn bị Công an huyện B xử phạt hành chính vào ngày 23/11/2017 về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo Bảo bị Công an xã A, huyện B xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chấp ma túy, trộm cắp tài sản tại các Quyết định phạt vi phạm hành chính số 03/2017/QĐ-XPVPHC ngày 14/01/2017 và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/2017/QĐ-XPVPHC ngày 14/01/2017, HĐXX cần xem xét khi quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Trần Thanh D, vào ngày 14/12/2016 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 12(mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24(hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án(ngày 14/12/2016) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2016/HS-ST, đến khoảng tháng 3 và tháng 7 năm 2018, bị cáo có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách, cần áp dụng khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự, quy đổi 12(mười hai) tháng tù cho hưởng án treo thành 12(mười hai) tháng tù giam và tổng

hợp với hình phạt của bản án này, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại La Văn I yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 3.500.000đ, ông Nguyễn Văn T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 2.250.000đ. các bị cáo đồng ý bồi thường.

Bị hại Nguyễn Tấn P yêu cầu bị cáo Trần Quốc B bồi thường số tiền 4.000.000đ. Bị hại Nguyễn Văn Sơn yêu cầu bị cáo Trần Quốc B bồi thường số tiền 3.000.000đ. bị cáo Trần Quốc B đồng ý bồi thường.

Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bị cáo và bị hại không vi phạm điều cấm của luật không trái đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận.

Xét sự đề xuất của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B về điều luật áp dụng, mức hình phạt và các vấn đề khác là có cơ sở cần chấp nhận.

Đối với hành vi chiếm đoạt tủ lạnh mi ni hiệu DEAWOO của Nguyễn Bảo Linh, kết luận định giá xác định tài sản có giá trị là 560.000đồng, Nguyễn Bảo Linh khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tủ lạnh cùng với Bảo chưa từng bị xử phạt hành chính nên không có đủ căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự với Linh là có căn cứ.

Đối với hành vi chiếm đoạt mô tơ điện, máy phát cỏ, 03 con gà, tủ lạnh các lần chiếm đoạt này không đủ yếu tố định lượng để truy tố Trần Quốc B về hành vi trộm cắp tài sản, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra Quyết định xử phạt hành chính là có căn cứ.

Các bị cáo khai khi chiếm đoạt được tài sản thì gặp Nguyễn Tạ Hải, Nguyễn Văn Khương để đổi ma túy và nhờ bán dùm, Trần Quốc B khai cùng Nguyễn Bảo Linh chiếm đoạt chiếc tủ lạnh, cùng Võ Thanh Trung chiếm đoạt xe honda trong vụ thứ 5. Tuy nhiên trong quá trình làm việc Nguyễn Tạ Hải, Nguyễn Văn Khương, Nguyễn Văn Linh, Võ Thanh Trung đều không thừa nhận, hành vi chiếm đoạt tài sản, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có trên nên chưa có đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tách ra để tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý sau là có căn cứ.

Đối với Trần Thanh D khai khi được Trần Quốc B gọi điện thoại cùng Bảo đưa xe honda chiếm đoạt trước đó (vụ án thứ 2) đến nhà Nguyễn Tạ Hải thì Duy lúc đầu không biết (do xe của Bảo không có đèn) Duy đi cùng rọi đèn cho Bảo chạy sau này Duy mới biết. Tuy nhiên chiếc xe trên Hải không biết, cơ quan điều tra đã tách ra để điều tra sẽ xử lý sau đối với Duy và Hải là có cơ sở.

Về vật chứng:

Một xe mô tô kiểu dáng Dream, không có biển số, không dè trước, không đồng hồ số, không ống xả (bô), không có gương, không có gương chiếu hậu, không đầu đèn, số khung DOG034DP-403326, SM: P1P50FMG-403326 và một ống xả (bô), một yên xe mô tô bằng kim loại, một yên xe mô tô bằng nhựa xốp, một dè bằng nhựa, một miếng kim loại sắt dùng để bao sên xe, một đồng hồ số, một đèn chiếu sáng phía trước, một miếng nhựa dùng bảo vệ đồng hồ số, xét tài sản là của ông Nguyễn Thanh T Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại Nguyễn Thanh T là có căn cứ.

Một xe xe mô tô biển kiểm soát 93P1-523.61, một xe mô tô biển kiểm soát 53X9-2759, một xe mô tô, biển kiểm soát 61Z3-5422, một xe mô tô, biển kiểm soát: 93H6-0697, xe mô tô, biển kiểm soát 93F1-0150. Cơ quan cảnh sát điều tra không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Quốc B, Trần Thanh D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trần Quốc B 18(mười tám) tháng tù, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/8/2018 đến ngày 25/11/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 50; ; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trần Thanh D 12(mười hai) tháng tù. thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2018.

Áp dụng khoản 5 Điều 65, Điều 56 của Bộ luật hình sự;

Tổng hợp hình phạt 12(mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 66/2016/HS-ST ngày 14/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đốp, tỉnh Bình Phước. Buộc bị cáo Trần Thanh D phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 24(hai mươi bốn) tháng tù, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/9/2016 đến ngày 14/12/2016. Thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 3; Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bị cáo và các bị hại.

- Buộc bị cáo Trần Quốc B có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại:

Ông La Văn I số tiền 1.750.000đ(một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng); ông Nguyễn Văn Sơn số tiền là 3.000.000đ(ba triệu đồng); ông Nguyễn Văn T số tiền là 1.125.000đ(một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn); ông Nguyễn Tấn P số tiền là: 4.000.000đ(bốn triệu đồng).

- Buộc bị cáo Trần Thanh D có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại:

Ông La Văn I số tiền 1.750.000đ(một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng); ông Nguyễn Văn T số tiền là 1.125.000đ(một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Quốc B phải chịu 493.700đ(bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng); bị cáo Trần Thanh D phải chịu 300.000đ(ba trăm nghìn đồng).

Các bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- THADS huyện B;
- CQCSĐT CA huyện B;
- CQ THAHS CA huyện Bù Đốp;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Lượng